

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **94/2021/HS-ST**

Ngày: 11-5-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lệ Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đỗ Thị Thu Hương;

Bà Nguyễn Thị Loan.

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương – Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Đinh Đăng Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 69/2021/TLST-HS ngày 31 tháng 3 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2021/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Anh T**; sinh ngày 25 tháng 7 năm 1992, tại Lâm Đồng; nơi cư trú: 11/12 đường K, phường F, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Q (chết) và bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1961; vợ, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự:

- Ngày 10/6/2019 bị Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 12 tháng theo Quyết định số 21/2019/QĐ-TA, chấp hành xong ngày 24/3/2020.

- Ngày 25/11/2020 bị Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tiếp tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 18 tháng theo Quyết định số 41/2020/QĐ-TA, chấp hành quyết định từ ngày 08/02/2021.

Bị cáo hiện đang cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm cai nghiện 05-06 tỉnh Lâm Đồng. (Có mặt)

-Bị hại: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1981; nơi cư trú: Số 31 đường K,

phường J, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. (Có mặt)

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Dương Danh K, sinh năm: 1985; nơi cư trú: xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; nơi ở: 7E đường L, phường F, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Anh T là đối tượng nghiện ma túy và không có việc làm ổn định. Để có tiền tiêu xài, khoảng 10 giờ, ngày 21/12/2020, T một mình đi bộ trên đường K, phường F, thành phố Đ nhìn thấy chiếc xe ô tô bán tải màu đen, biển số 49C-104.59 của anh Nguyễn Văn T đang đậu trước nhà lô 1308 đường K không có người trông coi, T đi đến gần xe ô tô nhìn qua cửa kính xe thì phát hiện giữa ghế tài xế và ghế phụ có để 01 chiếc điện thoại di động hiệu Sam sung Galaxy Note 20 Ultra màu trắng nên T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại này. Thực hiện ý định, T mở cửa xe bên phụ (do cửa xe không khóa) rồi lấy chiếc điện thoại trên của anh T bỏ vào túi quần của T rồi mang chiếc điện thoại vừa lấy được đến tiệm điện thoại di động Nhất Long, địa chỉ 7E đường La Sơn Phu Tử, phường F, thành phố Đà Lạt bán cho chủ tiệm là anh Dương Danh K được số tiền 7.000.000 đồng. Số tiền này T đã tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng hết 1.300.000 đồng, còn 5.700.000 đồng cơ quan điều tra đã thu giữ. Sau khi mua điện thoại trên của T, anh K đã bán cho người khác (không rõ lai lịch, địa chỉ) với giá 11.000.000 đồng nên cơ quan điều tra không thu hồi được.

Tại kết luận định giá số 01/ KL- ĐG ngày 06/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đà Lạt xác định chiếc điện thoại di động hiệu Sam sung Galaxy Note 20 Ultra màu trắng nói trên trị giá 17.000.000 đồng. Anh T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 27.990.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định anh Nguyễn Danh K là người đã mua lại chiếc điện thoại nói trên của T. Khi bán điện thoại cho anh K, T nói với anh K là điện thoại T nhặt được nên anh K không biết đây là tài sản do T trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xử lý đối với anh K. Anh K không yêu cầu gì.

Cáo trạng số 70/CT-VKSĐL ngày 22/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt truy tố bị cáo Trần Anh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình thực hiện như nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Bị cáo không thắc mắc gì về nội dung bản cáo trạng, không thắc mắc khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản, các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Bị hại anh Nguyễn Văn T trình bày lời khai thống nhất về thời gian, địa điểm và tài sản mà anh T bị mất như lời khai của bị cáo. Anh T xác định bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, gây tâm lý lo sợ cho người dân sống quanh khu vực nơi bị cáo ở nên đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo hình phạt nghiêm khắc để phòng ngừa chung. Bản thân bị cáo không có việc làm nên anh T chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường đúng số tiền 5.700.000 đồng mà bị cáo có được do bán chiếc điện thoại trộm cắp của anh và cơ quan điều tra đã thu giữ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng trình bày luận tội, tranh luận đối với bị cáo: giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Anh T về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng số 70/CT-VKSĐL ngày 22/3/2021. Qua phân tích đánh giá tính chất mức độ về hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng đề nghị tuyên bố bị cáo Trần Anh T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: đề nghị xử phạt bị cáo Trần Anh T từ 15 - 18 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: đề nghị buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại anh Nguyễn Văn T số tiền 5.700.000 đồng, được căn trừ vào số tiền 5.700.000 đồng mà cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: đề nghị trả lại cho bị cáo 01 chiếc điện thoại di động hiệu MEIZU M5S màu vàng đồng là tài sản hợp pháp của bị cáo.

Bị cáo và bị hại không tranh luận gì với đại diện viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo ăn năn hối cải, xin lỗi bị hại và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tố tụng: người liên quan là anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, tuy nhiên xét thấy việc vắng mặt của anh K không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về căn cứ kết tội bị cáo: Đối chiếu lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp lời khai của bị hại và những người tham gia tố tụng khác, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Vì mục đích tư lợi cá nhân, lợi dụng sơ hở của bị hại trong việc quản lý tài sản, khoảng 10 giờ, ngày 21/12/2020, tại địa chỉ nhà lô 1308 đường K, phường F, thành phố Đà Lạt, bị cáo Trần Anh T đã thực hiện hành vi lén lút mở cửa xe ô tô bán tải màu đen, biển số 49C - 104.59 của anh Nguyễn Văn T và lấy trộm của anh T 01 chiếc điện thoại di động hiệu Sam sung Galaxy Note 20 Ultra màu trắng trị giá 17.000.000 (mười bảy triệu) đồng mang bán lấy tiền tiêu xài cá nhân và mua ma túy để sử dụng. Hành vi của bị cáo Trần Anh T thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Trong vụ án này có anh Dương Danh K là người đã mua lại chiếc điện thoại trên của bị cáo T. Quá trình điều tra xác định khi mua, anh K không biết đây là tài sản do bị cáo T trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt không xử lý đối với anh K là đúng quy định.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về quyết định hình phạt: Xét thấy bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm nhưng chỉ vì muốn có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng mà bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Bản thân bị cáo đã có 02 tiền sự, bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân mà trong thời gian chờ thi hành quyết định xử lý hành chính nói trên thì bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội là thể hiện T độ xem thường pháp luật của bị cáo nên cần xử phạt bị cáo hình phạt nghiêm khắc, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: theo tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thể hiện bị cáo không có việc làm ổn định, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại anh Nguyễn Văn T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 5.700.000 đồng bằng số tiền bán chiếc điện thoại còn lại mà cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo. Xét yêu cầu này của anh T là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên ghi nhận. Buộc bị cáo T có trách nhiệm bồi thường cho anh T số tiền 5.700.000 đồng, được trừ vào số tiền 5.700.000 đồng mà cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo.

Người liên quan anh K không có yêu cầu gì nên không đề cập.

[8] Về xử lý vật chứng: Xét thấy 01 chiếc điện thoại di động hiệu MEIZU M5S màu vàng đồng là tài sản hợp pháp của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Anh T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt Trần Anh T 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt giam thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Trần Anh T có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Văn T số tiền 5.700.000 (*năm triệu bảy trăm nghìn*) đồng, được trừ vào số tiền 5.700.000 (*năm triệu bảy trăm nghìn*) đồng Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo (là tiền bị cáo có được do bán chiếc điện thoại trộm cắp của anh T) (*theo biên lai thu tiền số AA/2017/ 0001605 ngày 26/3/2021 giữa Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng với Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng*). Bị cáo đã bồi thường xong cho anh T.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo Trần Anh T 01 chiếc điện thoại di động hiệu MEIZU M5S màu vàng đồng, số Seri: 612HZCQN333Y3 nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án. (*Có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/3/2021 giữa Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng với Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng*).

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người liên quan anh K vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Lâm Đồng;
- VKS tỉnh Lâm Đồng;
- VKS TP. Đà Lạt;
- Công an TP. Đà Lạt;
- THADS TP. Đà Lạt;
- Sở tư pháp Lâm Đồng;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- BP theo dõi THA phạt tù;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Lệ Quyên

